

Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Bà	Bà
		n y n n			
		sinh saosao			
		họ Bả			
		c ng			
		bạ TN			
		PT			
		TH			
K36. 603.201	Nguyễn Thị Ngọc	Án h	15/07/1992	X	
K36. 603.202	Lê Xuân Ngọc	Bíc h	02/03/1991		
K36. 603.203	Ka	Ch ền	15/05/1990	X	X
K36. 603.205	Tô Anh	Đà o	20/04/1991	X	
K36. 603.208	Ma Du	Du	20/03/1992	X	
K36. 603.210	Trần Thị	Du yền	17/09/1992	X	
K36. 603.211	Nguyễn Thị	Hà Thung	08/09/1992	X	
K36. 603.213	Nguyễn Thị	Hiên n	20/01/1992	X	
K36. 603.216	Nguyễn Lê Hồng	Ho àng	11/05/1992	X	
K36. 603.218	Bành Thị	Hồ ng	22/02/1992	X	
K36. 603.219	Lý Thị Diễm	Hu ệ	27/03/1992	X	
K36. 603.220	Võ Lý	Hù ng	09/00/1992	X	
K36. 603.223	Trương Thị	Hư ờn g	18/03/1992	X	
K36. 603.226	Rơ Ông Ha	g	20/00/1989	X	

K36. Vũ Thị Lo	14/0	X
603.2 an	4/19	
28	92	
K36. Nguyễn Lợi	28/0	X
603.2 Thị	1/19	
29	92	
K36. Nguyễn Lư	05/1	X
603.2 Thị ơn	0/19	
30 g	92	
K36. Trần Lư	20/0	X
603.2 Thị u	7/19	
31 Hồng	92	
K36. Cao Thị Lý	07/0	X
603.2	8/19	
32	92	
K36. Lê Thị Mù	20/0	X
603.2 Thanh i	8/19	
34	92	
K36. Bùi Thị Ng	01/0	X
603.2 uyệ	6/19	
36 t	92	
K36. Cao Nh	22/0	X
603.2 Đức ân	1/19	
37	92	
K36. Đỗ Thị Nh	08/1	X
603.2 Trúc i	2/19	
38	92	
K36. Nguyễn Nh	23/1	X
603.2 Thị Yểnun	1/19	
39 g	92	
K36. Nguyễn Nh	26/0	X
603.2 Thị ứt	2/19	
40 Hồng	91	
K36. Nguyễn Oa	16/1	X
603.2 Thị nh	2/19	
41	92	
K36. Pang Ria	08/0	X
603.2 Kao A	6/19	
43 Sa	92	
K36. Lơ Mu Siê	30/0	X
603.2 Na m	8/19	
44	92	
K36. Kơ Să Siê	06/0	X X
603.2 Ha ng	8/19	
45	91	
K36. Đặng Tá	01/1	X
603.2 Thị m	0/19	
46	92	
K36. Văn Tá	27/0	X
603.2 Đình n	5/19	

47	90	
K36. Lê Kim Th	01/0	X
603.2	ư 4/19	
50	92	
K36. Nông Th	05/1	X
603.2Thị	ủy 0/19	
53 Thanh	92	
K36. Trần Trà	12/0	X
603.2Thanh	8/19	
54	91	
K36. Nguyễn Tra	22/0	X
603.2Thị	ng 6/19	
56 Kim	92	
K36. Lương Tru	14/1	X
603.2Thành	ng 1/19	
57	89	
K36. Văn ThịTú	15/0	X
603.2Thanh	7/19	
58	91	
K36. Phan Tu	15/0	X
603.2Thị	yết 4/19	
61	92	
K36. Ma Vâ	15/0	X
603.2	n 6/19	
62	91	